BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59 /2026/TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 145/2025/QH15 và Luật số 14/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 355/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 200/2025/NĐ-CP và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp, trình tự thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

b) Việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này và được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trận thiên tai là sự kiện thiên tai cụ thể xảy ra tại một hoặc nhiều địa bàn, được xác định từ khi bắt đầu xuất hiện đến thời điểm kết thúc diễn biến của hiện tượng thiên tai hoặc có bản tin cuối cùng về thiên tai đó, làm căn cứ để tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Đợt thiên tai là khoảng thời gian xảy ra hai hoặc nhiều trận thiên tai có liên quan về nguyên nhân, hình thế thời tiết hoặc diễn ra liên tiếp trong phạm vi một hoặc nhiều địa bàn, được xác định từ thời điểm bắt đầu xuất hiện trận thiên tai đầu tiên đến thời điểm kết thúc trận thiên tai cuối cùng trong đợt, làm căn cứ để tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Thiệt hại do thiên tai là những tác động trực tiếp của các loại hình thiên tai làm ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người, tài sản, cơ sở hạ tầng, môi trường, nông nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Việc thống kê, đánh giá thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật thống kê và pháp luật chuyên ngành đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh sát thực tế mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại được thực hiện kịp thời, liên tục, đầy đủ và được cập nhật khi có phát sinh, thay đổi, phù hợp với thực tế, đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan đến hoạt động thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

4. Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong thống kê, đánh giá thiệt hại phải kết hợp với thu thập, kiểm tra, xác minh thực tế. Dữ liệu số phải được kiểm tra, đối chiếu, xác minh trước khi tổng hợp, báo cáo chính thức. Khuyến khích xây dựng, sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm, cơ sở dữ liệu, dữ liệu viễn thám, hình ảnh, dữ liệu định vị và các nguồn dữ liệu số hợp pháp khác để thu thập, cập nhật, tổng hợp, phân tích, quản lý số liệu; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu từ cấp xã đến cấp tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Chính phủ, phù hợp với đặc điểm, điều kiện và yêu cầu quản lý của từng tỉnh, thành phố và các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

5. Việc thu thập, quản lý, lưu trữ, sử dụng, chia sẻ và công bố số liệu thống kê thiệt hại do thiên tai phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra

Thiệt hại do thiên tai gây ra được phân theo mức độ thiệt hại, bao gồm:

1. Thiệt hại hoàn toàn là những đối tượng bị thiên tai tác động làm hư hỏng, đổ, sập, cuốn trôi trên 70% về quy mô, kết cấu, khối lượng, số lượng, diện tích sản xuất, công suất hoặc tiêu chí phù hợp khác; không còn khả năng sử dụng, khai thác hoặc phục hồi và phải xây dựng, sản xuất hoặc thay thế mới.

2. Thiệt hại nặng là những đối tượng bị thiên tai tác động làm hư hỏng, đổ, sập, cuốn trôi từ 30% đến 70% về quy mô, kết cấu, khối lượng, số lượng, diện tích sản xuất, công suất hoặc tiêu chí phù hợp khác; bị suy giảm chức năng sử dụng hoặc khả năng khai thác, cần sửa chữa, khôi phục với quy mô lớn hoặc cần thời gian dài để đưa vào sử dụng bình thường.

3. Thiệt hại một phần là những đối tượng bị thiên tai tác động làm hư hỏng, đổ, sập, cuốn trôi dưới 30% về quy mô, kết cấu, khối lượng, số lượng, diện tích sản xuất, công suất hoặc tiêu chí phù hợp khác; vẫn còn khả năng sử dụng, khai thác hoặc có thể khắc phục, sửa chữa trong thời gian ngắn để tiếp tục sử dụng.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) và mức độ thiệt hại quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được xác định căn cứ vào đặc điểm, tính chất của từng nhóm đối tượng và một hoặc một số tiêu chí sau đây:

a) Mức độ phá hủy, đổ, sập, cuốn trôi hoặc hư hỏng về quy mô, kết cấu, khối lượng, số lượng, diện tích, công suất hoặc khả năng sử dụng, khai thác của đối tượng;

b) Mức độ suy giảm chức năng sử dụng, khả năng phục hồi và sửa chữa của đối tượng;

c) Đối với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực có đặc thù về sản lượng, năng suất hoặc diện tích, căn cứ vào mức giảm về diện tích, năng suất, sản lượng, số lượng hoặc chỉ tiêu đặc thù khác phù hợp với từng loại hình sản xuất, đối tượng bị thiệt hại và tính chất của thiên tai để xác định mức độ thiệt hại;

d) Đối với đối tượng bị thiệt hại mà có nhiều tiêu chí được áp dụng nhưng cho kết quả xác định tỷ lệ thiệt hại khác nhau thì ưu tiên tiêu chí phản ánh trực tiếp mức độ thiệt hại. Trường hợp không thể kiểm tra, đo đếm trực tiếp tại hiện trường do điều kiện thiên tai hoặc nguyên nhân khách quan khác, căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để xác định mức độ thiệt hại.

Điều 5. Chỉ tiêu và biểu mẫu thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Chỉ tiêu và biểu mẫu thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra theo các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai, bao gồm:

a) Chỉ tiêu thiệt hại về người gồm: số người chết; số người mất tích; số người bị thương. Biểu mẫu thống kê quy định tại Biểu mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chỉ tiêu thiệt hại về tài sản, cơ sở hạ tầng, môi trường và các hoạt động kinh tế - xã hội khác gồm: nhà ở; tài sản; giáo dục; y tế; văn hóa, di tích lịch sử

văn hóa; công trình thủy lợi; công trình đê điều và công trình phòng, chống thiên tai; giao thông; thông tin liên lạc; năng lượng; hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; công trình xây dựng khác; nước sạch; môi trường; các chỉ tiêu thiệt hại khác. Biểu mẫu thống kê quy định tại Biểu mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Chỉ tiêu thiệt hại về nông nghiệp gồm: cây trồng; lâm nghiệp; thủy sản; vật nuôi; muối; lương thực, giống và các thiệt hại khác. Biểu mẫu thống kê quy định tại Biểu mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Phần giải thích khái niệm, hướng dẫn cách xác định chỉ tiêu thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Nội dung thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Thu thập thông tin thiệt hại do thiên tai gây ra từ hiện trường, số liệu, hồ sơ, tài liệu liên quan đến các chỉ tiêu theo các biểu mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kiểm tra, tổng hợp số liệu và lập các biểu mẫu thống kê thiệt hại ở các cấp theo quy định.

3. Phân tích, đánh giá nguyên nhân, ước tính thiệt hại, đề xuất các giải pháp hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Lập báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại.

Điều 7. Phương pháp, trình tự thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Thống kê, thu thập thông tin ban đầu

a) Khi thiên tai xảy ra, tổ chức thu thập thông tin, thống kê sơ bộ các chỉ tiêu thiệt hại do thiên tai gây ra từ hiện trường, thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại cung cấp;

b) Chỉ tiêu thiệt hại được thống kê phải tồn tại trước thời điểm xảy ra thiên tai, thuộc phạm vi quản lý, sử dụng hoặc khai thác tại thời điểm đó. Không thống kê đối với chỉ tiêu không còn tồn tại hoặc không còn được quản lý, sử dụng, khai thác trước khi thiên tai xảy ra;

c) Việc xác định thiệt hại được thực hiện trên cơ sở đối chiếu hiện trạng của chỉ tiêu trước và sau khi xảy ra thiên tai. Thông tin về hiện trạng trước thiên tai được xác định từ hồ sơ quản lý, hồ sơ đăng ký, số liệu thống kê, dữ liệu, hình ảnh, tài liệu có liên quan hoặc thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp. Hiện trạng sau thiên tai được xác định thông qua kiểm tra thực tế, hình ảnh, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu có liên quan;

d) Tổng hợp số liệu thiệt hại theo từng chỉ tiêu;

đ) Cập nhật, điều chỉnh số liệu khi có thông tin mới hoặc có thay đổi về số lượng, mức độ thiệt hại.

2. Kiểm tra, tổng hợp số liệu

a) Khi thiên tai đang xảy ra, số liệu thiệt hại được thống kê, tổng hợp theo nguyên tắc cộng dồn; cập nhật, bổ sung hoặc điều chỉnh số liệu, mức độ thiệt hại (nếu có) đến thời điểm báo cáo theo các biểu mẫu thống kê tương ứng với từng chỉ tiêu;

b) Kết thúc trận hoặc đợt thiên tai, số liệu thiệt hại được kiểm tra, rà soát và tổng hợp đầy đủ theo các chỉ tiêu. Thực hiện ước tính thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đánh giá mức độ thiệt hại và ước tính thiệt hại

a) Căn cứ số liệu đã tổng hợp, thực hiện phân loại, đánh giá mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra theo từng chỉ tiêu;

b) Ước tính thiệt hại đối với các chỉ tiêu dựa vào số lượng, mức độ thiệt hại và giá trị bị thiệt hại theo nguyên tắc:

Đối với các chỉ tiêu đã có định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì áp dụng theo định mức, đơn giá hoặc phương pháp đó. Đối với các chỉ tiêu chưa có định mức, đơn giá hoặc phương pháp xác định giá trị, cơ quan, đơn vị thực hiện thống kê căn cứ vào giá thị trường tại địa phương thời điểm xảy ra thiên tai, hồ sơ, sổ sách kế toán, các thông tin, dữ liệu có liên quan để ước tính thiệt hại, bảo đảm khách quan, phù hợp với thực tế.

Việc ước tính thiệt hại phải bảo đảm mỗi chỉ tiêu chỉ được tính một lần. Không cộng dồn hoặc tính trùng giữa các chỉ tiêu có liên quan. Phải phân biệt giá trị thiệt hại của chỉ tiêu với chi phí khắc phục, hỗ trợ và các khoản chi phí, thiệt hại phát sinh khác để tránh trùng lặp khi tổng hợp.

Điều 8. Chế độ báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai

1. Chế độ báo cáo thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gồm: báo cáo nhanh hằng ngày; báo cáo tổng hợp trận thiên tai hoặc đợt thiên tai; báo cáo định kỳ (báo cáo sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết năm); báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề.

2. Báo cáo nhanh hằng ngày

a) Báo cáo được lập trong vòng 24 giờ kể từ khi thiên tai bắt đầu xảy ra và được cập nhật, báo cáo hằng ngày trong thời gian trận thiên tai hoặc đợt thiên tai còn diễn biến, tiếp tục phát sinh thiệt hại hoặc có thông tin mới cần cập nhật, bổ sung;

b) Nội dung báo cáo gồm: Diễn biến, phạm vi ảnh hưởng của thiên tai; số liệu thiệt hại; công tác ứng phó, sơ tán, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả; nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và các thông tin cần thiết khác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai (nếu có).

Số liệu thiệt hại trong báo cáo nhanh là số liệu thống kê, đánh giá sơ bộ tại thời điểm báo cáo. Trường hợp thiên tai diễn biến phức tạp, kéo dài nhiều ngày, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và loại hình thiên tai, tình hình thiệt hại, cơ quan có thẩm quyền lựa chọn các chỉ tiêu chủ yếu để phục vụ công tác báo cáo

nhanh. Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định chính xác, phải nêu rõ số liệu ước tính hoặc chưa xác minh. Số liệu được cập nhật, điều chỉnh khi có thông tin mới hoặc kết quả kiểm tra, xác minh;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tổng hợp thông tin về tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại trên địa bàn; giao Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tham mưu lập báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh. Báo cáo được cập nhật và gửi trước 16 giờ hằng ngày;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại trên địa bàn tỉnh, tham mưu lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Văn phòng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Báo cáo được cập nhật và gửi trước 17 giờ hằng ngày;

đ) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ chỉ đạo các sở chuyên ngành, cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thống kê, cung cấp số liệu về thiệt hại thuộc lĩnh vực quản lý; phân công đầu mối tổng hợp, lập báo cáo gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia trước 17 giờ hằng ngày.

3. Báo cáo tổng hợp đợt thiên tai hoặc trận thiên tai

a) Báo cáo được lập sau khi kết thúc công tác thống kê, đánh giá thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả của trận thiên tai hoặc đợt thiên tai. Số liệu báo cáo được thống kê từ thời điểm bắt đầu xảy ra trận thiên tai hoặc đợt thiên tai cho đến thời điểm kết thúc công tác thống kê, đánh giá thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

b) Nội dung báo cáo gồm: Diễn biến, phạm vi ảnh hưởng của thiên tai; số liệu thống kê, đánh giá thiệt hại; công tác chỉ đạo, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ, đề xuất giải pháp khắc phục hậu quả và các nội dung liên quan;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại; kiểm tra, xác minh số liệu thiệt hại trên địa bàn; lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, chậm nhất 07 ngày kể từ thời điểm kết thúc công tác thống kê, đánh giá thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại trên địa bàn tỉnh; kiểm tra kết quả thống kê, đánh giá thiệt hại; tham mưu lập báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chậm nhất 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc công tác thống kê, đánh giá thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

đ) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý, tổ chức tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, xác minh số liệu thiệt hại; lập báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự

quốc gia chậm nhất 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc công tác thống kê, đánh giá thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

e) Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổng hợp, thống kê đánh giá thiệt hại trên phạm vi cả nước, tham mưu lập báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

4. Báo cáo định kỳ

a) Báo cáo sơ kết 6 tháng được lập để tổng hợp tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại và công tác phòng, chống thiên tai trong 6 tháng đầu năm. Kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hằng năm; thời hạn gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 7 hằng năm;

b) Báo cáo tổng kết năm được lập để tổng hợp, đánh giá tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại và công tác phòng, chống thiên tai trong năm; phân tích kết quả thực hiện, tồn tại, hạn chế và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tiếp theo. Kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hằng năm; thời hạn gửi báo cáo trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại trên địa bàn trong kỳ báo cáo, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp. Thời gian gửi báo cáo sơ kết 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 hằng năm và Báo cáo tổng kết năm trước ngày 25 tháng 01 của năm tiếp theo;

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, kiểm tra số liệu báo cáo của cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu lập báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Thời gian gửi báo cáo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

đ) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ tổng hợp tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại thuộc lĩnh vực quản lý; lập báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia. Thời gian gửi báo cáo theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này;

e) Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại trên phạm vi cả nước, tham mưu lập báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia theo quy định.

5. Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề:

a) Báo cáo đột xuất được thực hiện khi có yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan hoặc khi phát sinh tình huống thiên tai, thiệt hại nghiêm trọng cần ứng phó kịp thời;

b) Báo cáo chuyên đề được thực hiện nhằm thống kê, phân tích, đánh giá một hoặc một số nội dung cụ thể về tình hình thiên tai, số liệu thiệt hại hoặc hoạt động phòng, chống thiên tai;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lập báo cáo theo yêu cầu; nội dung, phạm vi, thời điểm chốt số liệu, thời hạn và phương thức gửi báo cáo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan yêu cầu báo cáo.

6. Cung cấp thông tin nhanh

Ngoài việc lập và gửi báo cáo theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này, cơ quan thực hiện báo cáo có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin nhanh qua điện thoại, ứng dụng tin nhắn, thư điện tử hoặc phương thức liên lạc phù hợp khác về tình hình, diễn biến thiên tai, số liệu thiệt hại và công tác ứng phó, khắc phục hậu quả theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành. Việc cung cấp thông tin nhanh không thay thế trách nhiệm lập và gửi báo cáo theo quy định tại Điều này.

7. Hình thức, phương thức gửi, nhận báo cáo

a) Báo cáo được lập dưới hình thức văn bản điện tử hoặc văn bản giấy theo quy định;

b) Báo cáo được gửi qua hồ sơ công việc điện tử, hệ thống thư điện tử, fax, hệ thống thông tin, nền tảng số, ứng dụng nhắn tin hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc nắm giữ thông tin về thiệt hại có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về thiệt hại cho Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp trong quá trình kiểm tra, xác minh và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, số liệu do mình cung cấp.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại trên địa bàn xã; chỉ đạo cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc quyền quản lý và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin, số liệu thiệt hại;

b) Phân công đầu mối thu thập, tổng hợp thông tin, số liệu thiệt hại và lập, gửi báo cáo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này, chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ của thông tin, số liệu do mình tổng hợp, báo cáo;

c) Bảo đảm điều kiện cần thiết để thu thập, tổng hợp, truyền gửi và quản lý số liệu thống kê, đánh giá thiệt hại trên địa bàn; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện thống kê, đánh giá thiệt hại trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan thu thập, kiểm tra, xác minh, cung cấp và tổng hợp số liệu theo lĩnh vực quản lý;

b) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm đầu mối, chủ trì tổng hợp số liệu thiệt hại trên địa bàn, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ

huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh trong công tác tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, đối chiếu, cập nhật số liệu khi có thay đổi;

c) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và kịp thời của số liệu tổng hợp, báo cáo thuộc phạm vi quản lý;

d) Bảo đảm điều kiện cần thiết để thu thập, tổng hợp, truyền gửi và quản lý số liệu thống kê, đánh giá thiệt hại trên địa bàn; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

a) Tổ chức, chỉ đạo việc thống kê, đánh giá thiệt hại thuộc lĩnh vực quản lý; yêu cầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc thu thập, kiểm tra, xác minh và cung cấp thông tin, số liệu theo quy định;

b) Phân công cơ quan, đơn vị làm đầu mối tổng hợp, lập và gửi báo cáo theo Điều 8 Thông tư này; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và kịp thời của số liệu thuộc phạm vi quản lý;

c) Phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin, số liệu phục vụ tổng hợp, đánh giá thiệt hại khi có yêu cầu.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổng hợp và đánh giá thiệt hại trong phạm vi cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

b) Chỉ đạo Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai chủ trì, tổng hợp thông tin, số liệu thống kê, đánh giá thiệt hại từ các địa phương và các Bộ, cơ quan ngang Bộ; tham mưu Bộ báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia về thiên tai; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, quản lý, cập nhật thông tin, số liệu về thiệt hại phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 10. Trách nhiệm công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trên phạm vi cả nước.

3. Hình thức công bố: Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc hình thức khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

4. Thời gian công bố: Số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm được công bố một lần chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày *11* tháng *01* năm 2027.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Bãi bỏ Điều 8 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trận thiên tai, đợt thiên tai xảy ra trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm bắt đầu trận thiên tai, đợt thiên tai cho đến khi hoàn thành việc thống kê, đánh giá thiệt hại và tổng hợp, báo cáo đối với trận thiên tai, đợt thiên tai đó.

2. Đối với số liệu, dữ liệu thiệt hại do thiên tai đã được thống kê, tổng hợp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được kế thừa, tiếp tục sử dụng và không phải thực hiện lại việc thống kê, đánh giá; trường hợp cần chuyển đổi, cập nhật dữ liệu để bảo đảm thống nhất với hệ thống, cơ sở dữ liệu hoặc yêu cầu tổng hợp theo quy định của Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm không làm thay đổi bản chất và giá trị thiệt hại đã được xác định./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&MT;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, TP;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Thông tin và Truyền thông CP;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, ĐĐ.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Hiệp